

ĐIỂM BÀI THU HOẠCH

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 04 (Hạ Lang)

Môn: Phần A.I, II. Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Thẩm Thị Bạch	5,25	Năm phẩy hai năm	41	Triệu Thúy Mơ	7,00	Bảy
2	Triệu Thị Chiêm	7,00	Bảy	42	Hoàng Thị My	7,00	Bảy
3	Nông Thị Chinh	6,00	Sáu	43	Nông Văn Nam	7,50	Bảy phẩy năm
4	Triệu Thị Chủ	7,00	Bảy	44	Nông Thị Hoàng Nga	7,00	Bảy
5	Nông Thị Chuyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	45	Lã Thị Nga	7,00	Bảy
6	Đàm Bích Diệp	5,75	Năm phẩy bảy năm	46	Đường Văn Ngọc	7,00	Bảy
7	Phạm Thị Dịu	7,75	Bảy phẩy bảy năm	47	Phùng Ánh Nguyệt	8,00	Tám
8	Thẩm Thị Duyên	8,00	Tám	48	Mã Lý Nhung	7,50	Bảy phẩy năm
9	Hoàng Thị Định	6,75	Sáu phẩy bảy năm	49	Trần Thị Phương	7,25	Bảy phẩy hai năm
10	Bế Thị Đoan	7,25	Bảy phẩy hai năm	50	Phạm Thị Phượng	7,25	Bảy phẩy hai năm
11	Nông Thị Hồng Gấm	7,25	Bảy phẩy hai năm	51	Nông Thị Quy	6,25	Sáu phẩy hai năm
12	Phùng Thị Thu Hằng	6,75	Sáu phẩy bảy năm	52	Nông Thị Riên	6,25	Sáu phẩy hai năm
13	Hoàng Văn Hành	7,00	Bảy	53	Nông Văn Siền	6,00	Sáu
14	Hoàng Minh Hậu	7,50	Bảy phẩy năm	54	Hoàng Thị Tâm	6,50	Sáu phẩy năm
15	Nông Thị Hiền	6,25	Sáu phẩy hai năm	55	Nông Thị Thạch	6,50	Sáu phẩy năm
16	Đàm Văn Hiệp	6,75	Sáu phẩy bảy năm	56	Đinh Việt Thiện	5,75	Năm phẩy bảy năm
17	Hoàng Thị Hoa	7,25	Bảy phẩy hai năm	57	Mã Thị Thiệp	6,75	Sáu phẩy bảy năm
18	Phan Triệu Học	6,25	Sáu phẩy hai năm	58	Nông Thị Thoa	6,50	Sáu phẩy năm
19	Nông Thị Hồng	6,25	Sáu phẩy hai năm	59	Bế Văn Thoại	3,00	Ba
20	Nông Thị Hợp	7,00	Bảy	60	Nông Thị Thu	6,75	Sáu phẩy bảy năm
21	Nông Văn Huân	6,75	Sáu phẩy bảy năm	61	Nông Ngọc Thụ	7,00	Bảy

LR

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
22	Triệu Bích Huệ	7,25	Bảy phẩy hai năm	62	Mã Thị Thương	7,25	Bảy phẩy hai năm
23	Nông Thế Hùng	6,00	Sáu	63	Hà Văn Thượng	7,25	Bảy phẩy hai năm
24	Nông Thanh Hùng	7,50	Bảy phẩy năm	64	Mã Thị Thùy	7,50	Bảy phẩy năm
25	Đàm Thị Hường	6,75	Sáu phẩy bảy năm	65	Nông Linh Thủy	7,25	Bảy phẩy hai năm
26	Hoàng Thị Bích Huyền	5,00	Năm	66	Lương Thị Thủy	7,25	Bảy phẩy hai năm
27	Hoàng Thị Thu Huyền	6,75	Sáu phẩy bảy năm	67	Hoàng Văn Tú	7,25	Bảy phẩy hai năm
28	Đường Thị Kết	7,75	Bảy phẩy bảy năm	68	Hoàng Thị Bích Từ	7,00	Bảy
29	Lương Thị Vân Khánh	6,00	Sáu	69	Bạch Văn Tùng	6,75	Sáu phẩy bảy năm
30	Lương Thị Hồng Lê	7,25	Bảy phẩy hai năm	70	Phạm Thị Tươi	6,50	Sáu phẩy năm
31	Lương Thị Liễu	7,25	Bảy phẩy hai năm	71	Triệu Thị Tuyên	6,25	Sáu phẩy hai năm
32	Nông Thị Linh	7,00	Bảy	72	Trần Thị Tuyết	6,75	Sáu phẩy bảy năm
33	Hoàng Thị Loan	6,75	Sáu phẩy bảy năm	73	Bé Thị Ánh Tuyết	7,50	Bảy phẩy năm
34	La Thị Loan	7,00	Bảy	74	Lộc Thị Vân	6,50	Sáu phẩy năm
35	Nông Thị Thanh Loan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	75	Lý Thị Vân	6,25	Sáu phẩy hai năm
36	Phạm Minh Loan	7,25	Bảy phẩy hai năm	76	Nông Thị Vân	7,25	Bảy phẩy hai năm
37	Hà Thị Luyên	7,00	Bảy	77	Lộc Thị Viên	7,50	Bảy phẩy năm
38	Nông Thị Luyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	78	Chu Văn Xuyên	6,25	Sáu phẩy hai năm
39	Đàm Thị Mên	7,25	Bảy phẩy hai năm	79	Hứa Văn Du	6,75	Sáu phẩy bảy năm
40	Long Nông Nữ Minh	7,25	Bảy phẩy hai năm				

Điểm 3,00: 01 điểm; Điểm 5,00: 01 điểm; Điểm 5,25: 01 điểm; Điểm 5,75: 02 điểm; Điểm 6,00: 04 điểm; Điểm 6,25: 08 điểm; Điểm 6,50: 05 điểm; Điểm 6,75: 12 điểm; Điểm 7,00: 12 điểm; Điểm 7,25: 18 điểm; Điểm 7,50: 07 điểm; Điểm 7,75: 04 điểm; Điểm 8,00: 02 điểm./.

**GHI ĐIỂM PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

[Signature]

[Signature]



Bé Thị Hương

Đoàn Thị Vân thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa